**Tuyên truyền nội dung Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030**

 Các cấp Hội phối hợp tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về chiến lược cải cách hệ thống thuế, các kết quả nổi bật thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2020 và một số nội dung cơ bản về Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030, cụ thể như sau:

 **I. Kết quả thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2020**

 Thời gian qua, Chiến lược cải cách hệ thống thuế được triển khai trong bối cảnh có nhiều yếu tố thay đổi không thuận lợi. Kinh tế thế giới xuất hiện thêm nhiều bất ổn mới sau khủng hoảng tài chính toàn cầu và khủng hoảng nợ công ở Châu Âu, hoạt động thương mại toàn cầu trong một số năm cũng đã chững lại đáng kể, trong khi chủ nghĩa bảo hộ có xu hướng gia tăng, cùng với đó sự điều chỉnh chính sách quan hệ đối ngoại của các nước lớn trong khu vực và trên thế giới diễn biến khó lường; tình hình biển đổi khí hậu toàn cầu, các loại dịch bệnh và thiên tai lớn tiếp tục xảy ra trong phạm vi cả nước, sự biến động bất lợi của giá cả hàng hóa trên thị trường thế giới đã có những tác động lớn đến việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của cả nước và công tác thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 -2020.

 Được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính, sự phối hợp chặt chẽ của các ngành, các cấp; Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020 đã cơ bản hoàn thành những mục tiêu đề ra, tạo nền tảng, tiền đề quan trọng cho ngành thuế thực hiện cải cách hệ thống thuế trong giai đoạn tới, những thành tựu nổi bật đã đạt được của Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2020, cụ thể như sau:

 **1. Về cải cách chính sách thuế**

 Trong giai đoạn 2011-2020, hệ thống chính sách, pháp luật về thuế và thu ngân sách đã được hoàn thiện theo đúng định hướng cải cách hệ thống thuế, phí và lệ phí; giảm tỷ lệ điều tiết các sắc thuế, đảm bảo công bằng và mở rộng cơ sở thuế phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế, hội nhập quốc tế, nhờ đó đã động viên hợp lý, kịp thời các nguồn lực cho ngân sách nhà nước. Quy mô thu ngân sách nhà nước ngày càng được mở rộng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu chi ngân sách nhà nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội và giải quyết việc làm. Theo đó, tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước bình quân giai đoạn 2011- 2020 đạt khoảng 24,5% GDP, trong đó: Giai đoạn 2011-2015 đạt khoảng 23,6% GDP (mục tiêu kế hoạch là 23-24% GDP); giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng 25,2% GDP (mục tiêu kế hoạch là 23,5% GDP), vượt mục tiêu tại Văn kiện Đại hội Đảng XI, XII; tổng thu từ thuế, phí và lệ phí đạt bình quân 20,7% GDP trong giai đoạn 2011-2015 (mục tiêu kế hoạch là 22-23% GDP); 20,8% GDP trong giai đoạn 2016-2020 (mục tiêu kế hoạch là 21% GDP). Tốc độ tăng tổng thu ngân sách nhà nước bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 8,6%/năm, trong đó, thu từ thuế, phí và lệ phí tăng trưởng bình quân hàng năm là 6,7%/năm trong giai đoạn 2016-2020.

 Hệ thống chính sách thuế được xây dựng, hoàn thiện đảm bảo minh bạch, rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện; mở rộng cơ sở thuế để phát triển nguồn thu, bao quát các nguồn thu mới phát sinh và cơ cấu lại theo hướng tăng tỷ trọng nguồn thu nội địa, giảm dần sự phụ thuộc vào nguồn thu từ tài nguyên khoáng sản (dầu thô) và thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu.

 Hệ thống chính sách thuế đã được sửa đổi, bổ sung theo đúng kế hoạch, chương trình cải cách hệ thống chính sách thuế giai đoạn 2011-2020. Các chính sách thu liên tục được rà soát, điều chỉnh theo hướng giảm tỷ lệ động viên về thuế cho người nộp thuế với quy mô điều chỉnh lớn phù hợp với định hướng phát triển kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước; góp phần chủ động tham gia hội nhập kinh tế quốc tế, bảo vệ lợi ích quốc gia; khuyến khích thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế và đầu tư nước ngoài vào Việt Nam; bảo hộ hợp lý có chọn lọc, có thời hạn các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước phù hợp với các cam kết, thông lệ quốc tế. Phần lớn các khoản thu, sắc thuế do cơ quan thuế quản lý có xu hướng tăng dần tỷ trọng trên tổng thu ngân sách nhà nước.

 **2. Về quản lý thuế**

 Thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020, công tác quản lý thuế đã được hiện đại hóa theo thông lệ của quốc tế cả về phương pháp quản lý, thủ tục hành chính; tổ chức bộ máy, đội ngũ công chức, cán bộ thuế các cấp được kiện toàn, tinh giảm; cơ sở vật chất, trang thiết bị toàn ngành đầu tư theo hướng hiện đại, đồng bộ; công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế được đổi mới về phương pháp, đa dạng hóa về hình thức và bước đầu chuyên sâu về nội dung; hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát tuân thủ pháp luật của người nộp thuế được tăng cường và nâng cao năng lực; ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng thuế điện tử trong tất cả các khâu của công tác quản lý thuế, một bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế, bao quát các nguồn thu, giảm thất thu thuế, góp phần bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu vào ngân sách nhà nước, qua đó thúc đẩy đầu tư, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng.

 Thông qua việc thực hiện toàn diện 09 chương trình cải cách và hiện đại hóa theo các nhóm lĩnh vực của công tác quản lý thuế đã tạo thuận lợi hơn cho cơ quan thuế trong thực thi nhiệm vụ và NNT được tạo thuận lợi tối đa để tự thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật, trong đó nổi bật là kết quả thực hiện của 04 nhóm lĩnh vực cải cách quan trọng là:

 - Về cải cách thủ tục hành chính thuế: Đã tập trung và đẩy mạnh thực hiện nghiêm các Nghị quyết của Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính thuế theo hướng đơn giản hóa, rõ ràng, minh bạch và kiểm soát công khai danh mục các thủ tục hành chính thuế tại bộ phận “*một cửa*” tại cơ quan thuế các cấp; phối hợp với các cơ quan hành chính nhà nước khác (như cơ quan Đăng ký kinh doanh, cơ quan Tài nguyên môi trường...) thực hiện cơ chế “một cửa liên thông” giữa thủ tục hành chính thuế với một số thủ tục hành chính khác có liên quan nhằm tạo thuận lợi, giảm chi phí, thời gian thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,.. của doanh nghiệp và người dân. Ngành Thuế đã hoàn thành việc thực thi đơn giản hóa 222 thủ tục hành chính; cắt giảm 194 thủ tục hành chính từ 498 thủ tục xuống còn 304 thủ tục hành chính; điện tử hóa 182/304 thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu điện tử cấp do 3, 4.

 Giai đoạn 2011-2020, tổng thời gian nộp thuế giảm từ 650 giờ xuống còn 237 giờ, giảm được 413 giờ, tương đương giảm 63,5% thời gian nộp thuế, góp phần tăng mức độ thuận lợi về thuế của Việt Nam từ thứ hạng 147 lên 109, tăng 38 bậc. Việt Nam được đánh giá là một trong bốn nước khu vực Đông Nam Á có sự cải thiện vượt bậc về mức độ thuận lợi về thuế.

 - Về cải cách thể chế quản lý thuế: Luật Quản lý thuế đã được sửa đổi thể hiện đầy đủ các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước vào cuộc sống, tạo cơ sở cho quản lý thuế hiện đại, tiếp cận tới những chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Luật sửa đổi bổ sung Luật Quản lý thuế đã tạo hành lang pháp lý nhằm cải cách thủ tục quản lý thuế theo hướng thống nhất, công khai, minh bạch, đơn giản hóa, dễ hiểu, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, đồng thời tạo cơ sở pháp lý để nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế để phòng chống trốn thuế, thất thu và nợ đọng thuế; tạo ra môi trường đầu tư kinh doanh lành mạnh, tạo điều kiện phát triển các thành phần kinh tế; góp phần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại cho công tác quản lý thuế, trong đó có việc áp dụng rộng rãi phổ biến quản lý thuế điện tử, giao dịch điện tử trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

 - Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực: Đã xây dựng và kiện toàn tổ chức bộ máy ngành Thuế theo mô hình quản lý thuế theo chức năng kết hợp với đối tượng thống nhất từ Trung ương tới địa phương, đảm bảo tăng cường năng lực thực thi, tinh gọn đầu mối đảm bảo hợp lý, khoa học, hiệu quả theo đúng định hướng Tổng cục Thuế quản lý một số chức năng; Cục Thuế tập trung thực hiện chức năng chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra quản lý thuế trên địa bàn, trực tiếp quản lý các doanh nghiệp lớn theo phân cấp và các doanh nghiệp vừa trên địa bàn quản lý; Chi cục Thuế quản lý doanh nghiệp nhỏ, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh. Thực hiện điều chỉnh dần cơ cấu công chức theo chức năng quản lý và theo đối tượng quản lý đảm bảo hiệu quả, phù hợp nhiệm vụ quản lý thuế tại các cấp quản lý thuế. Cơ cấu, phân bổ lại nguồn nhân lực theo nguyên tắc ưu tiên biên chế cho những địa bàn trọng điểm, số thu lớn, số đối tượng nộp thuế nhiều; tăng cường nguồn lực cho chức năng quản lý thuế chính, đặc biệt là chức năng thanh tra, kiểm tra thuế.

 - Về phát triển công nghệ thông tin ngành Thuế: Triển khai đồng bộ các giải pháp công nghệ thông tin để thực hiện các nhiệm vụ chính trị đồng thời đáp ứng yêu cầu cải cách và hiện đại hóa ngành Thuế; chú trọng phát triển hệ thống công nghệ thông tin và hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật, gắn chặt với quá trình cải cách thủ tục hành chính thuế và áp dụng thuế điện tử. Triển khai thực hiện tốt chiến lược về quy hoạch hệ thống công sở và đầu tư trang thiết bị toàn ngành theo hướng tiên tiến, hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế hiện đại. Thông tin cơ sở dữ liệu về người nộp thuế được hình thành, cơ bản đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ quản lý thuế.

 Mặc dù vẫn còn những hạn chế, tồn tại nhưng những kết quả, thành tựu đã đạt được của Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 một lần nữa khẳng định cải cách là con đường tất yếu để xây dựng hệ thống thuế đồng bộ, tiên tiến, hiện đại.

 **II. Về Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030**

 Nội dung Chiến lược được xây dựng trên cơ sở bám sát định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 của Đảng, Nhà nước và những phân tích, nhận định về bối cảnh kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế trong giai đoạn tới; kế thừa những yếu tố tích cực, khắc phục những hạn chế, tồn tại trong thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011- 2020; tiếp thu kinh nghiệm của các nước tiên tiến trên thế giới, sự tham vấn của chuyên gia quốc tế cũng như ý kiến đóng góp của toàn ngành thuế, các Vụ/đơn vị Bộ Tài chính; các Bộ, Ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

 Mục tiêu tổng quát mà Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 cần phải đạt được (về chính sách thuế và quản lý thuế), đó là:

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách thuế gắn với cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới, phù hợp với thông lệ quốc tế; bảo đảm tỷ trọng thu nội địa, tỷ trọng giữa thuế gián thu và thuế trực thu ở mức hợp lý, khai thác tốt thuế, phí và lệ phí thu từ tài sản, tài nguyên, bảo vệ môi trường; hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong pháp luật thuế và chính sách miễn, giảm, bảo đảm tính trung lập của thuế, hướng tới một hệ thống thuế đồng bộ, có cơ cấu bền vững, bảo đảm huy động hợp lý các nguồn lực cho ngân sách nhà nước, đồng thời, góp phần tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công bằng, khuyến khích đầu tư, thúc đẩy cạnh tranh, điều tiết thu nhập hợp lý, phù hợp với quá trình hội nhập, phát triển của nền kinh tế.

 - Xây dựng ngành Thuế Việt Nam hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; công tác quản lý thuế, phí và lệ phí thống nhất, minh bạch, chuyên sâu, chuyên nghiệp theo phương pháp quản lý rủi ro, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ của người dân và doanh nghiệp; đồng thời trọng tâm của công tác quản lý thuế dựa trên nền tảng thuế điện tử và ba trụ cột cơ bản: Thể chế quản lý thuế đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập; nguồn nhân lực chuyên nghiệp, liêm chính, đổi mới; công nghệ thông tin hiện đại, tích hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế trong bối cảnh nền kinh tế số.

 Để đạt được mục tiêu quan trọng trên, chiến lược đã đề ra những nội dung tin trọng tâm, mấu chốt về cải cách chính sách thuế và quản lý thuế đến năm 2030 đó là:

 **1. Về chính sách thuế**

 Hoàn thiện đồng bộ hệ thống chính sách thuế của Việt Nam phù hợp với các tiêu chuẩn của hệ thống thuế tốt theo thông lệ quốc tế, đồng thời đáp ứng yêu cầu về nguồn lực để thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, bao gồm các sắc thuế, phí, lệ phí chủ yếu sau đây: (1) Thuế giá trị gia tăng; (2) Thuế tiêu thụ đặc biệt; (3) Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; (4) Thuế thu nhập doanh nghiệp; (5) Thuế thu nhập cá nhân; (6) Thuế tài nguyên; (7) Thuế sử dụng đất nông nghiệp; (8) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; (9) Thuế bảo vệ môi trường; (10) Các khoản phí, lệ phí và thu khác thuộc ngân sách nhà nước.

 Về quy mô thu ngân sách từ thuế, phí, bảo đảm duy trì tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước từ thuế, phí ở mức ổn định, hợp lý và phù hợp với Chiến lược tin phát triển kinh tế - xã hội từng giai đoạn 05 năm 2021-2025 và 2026-2030, trong giai đoạn đầu tập trung hỗ trợ doanh nghiệp, người dân khắc phục khó khăn, phục hồi sản xuất, kinh doanh do ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19. Cụ thể:

 - Đến năm 2025: Tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước bình quân không thấp hơn 16% GDP, trong đó, tỷ lệ huy động từ thuế, phí khoảng 13-14% GDP; tỷ trọng thu nội địa trong tổng thu ngân sách nhà nước phấn đấu đến năm 2025 đạt khoảng 85-86%. Trong giai đoạn đầu tập trung hỗ trợ doanh nghiệp, người dân khắc phục khó khăn, phục hồi sản xuất, kinh doanh do ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19.

 - Đến năm 2030: Tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước khoảng 16-17% GDP, trong đó, tỷ lệ huy động từ thuế, phí khoảng 14-15% GDP; tỷ trọng thu nội địa trong tổng thu ngân sách nhà nước phấn đấu đến năm 2030 đạt khoảng 86-

87%.

 Theo đó, hầu hết các sắc thuế đều được sửa đổi, bổ sung và để chính sách đi vào cuộc sống ngành thuế rất cần sự phối hợp tuyên truyền của các cơ quan thông tấn báo chí. Trước mắt, giai đoạn 2022-2025 tập trung tuyên truyền phổ biến các nội dung sửa đổi, bổ sung của một số Luật thuế chính theo lộ trình như sau:

 - Giai đoạn 2022-2023: Tập trung tổng kết, đánh giá việc thi hành các Luật

 - Giai đoạn 2023-2025: Tập trung tuyên truyền Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi): Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi); Luật Thuế liên quan tài sản;

 - Đối với giai đoạn 2026-2030: Tập trung tuyên truyền Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Thuế thu nhập cá nhân (sửa đổi); Luật Thuế tài nguyên (sửa đổi); Luật Thuế bảo vệ môi trường (sửa đổi); Luật sửa đổi bổ sung Luật phí và lệ phí.

 **2. Về cải cách quản lý thuế**

 Song song cải cách chính sách thuế, ngành Thuế sẽ tiếp tục cải cách công tác quản lý thuế theo hướng xây dựng cơ quan thuế hiện đại, tỉnh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; công tác quản lý thuế, phí và lệ phí thống nhất, minh bạch, chuyên sâu, chuyễn nghiệp theo phương pháp quản lý rủi ro, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ của người dẫn và doanh nghiệp; đồng thời trọng tâm của công tác quản lý thuế dựa trên nền tăng thuế điện tử và ba trụ cột cơ bản: Thể chế quản lý thuế đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập; nguồn nhân lực chuyên nghiệp, liêm chính, đổi mới; công nghệ thông tin hiện đại, tích hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế trong bối cảnh nền kinh tế số. Phấn đấu đến năm 2025, mức độ hài lòng của NNT với sự phục vụ của cơ quan + thuế đạt tối thiểu 90%; đến năm 2030, mức độ hài lòng của NNT với sự phục vụ của cơ quan thuế đạt tối thiểu 95%, +

 Cụ thể, Chiến lược đã xây dựng 10 nhóm giải pháp cải cách mới tập trung vào các lĩnh vực quản lý thuế trọng tâm sau:

 a) Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế quản lý thuế nhằm nâng cao năng lực quản lý thu thuế, phù hợp với yêu cầu chính phủ điện tử, đồng thời thúc đẩy sự tuân thủ tự nguyện trên cơ sở phân loại mức độ tuân thủ pháp luật và mức độ rủi ro của người nộp thuế. Hoàn thiện thể chế quản lý thuế trong một số lĩnh vực trọng yếu như: Chống chuyển giá; hoạt động sản xuất kinh doanh mới phát sinh trong nền kinh tế, kinh tế số, kinh tế chia sẻ, sản xuất thông minh, giao dịch xuyên biên giới; đại lý thuế; đơn giản hóa các thủ tục hành chính và thực hiện. các giao dịch trong lĩnh vực thuế trên môi trường điện tử phù hợp với thông lệ quốc tế; vai trò chủ động của cơ quan thuế trong việc xử lý thu hồi nợ thuế, thủ tục rút gọn nhằm tự động xóa nợ thu hồi các khoản nợ nhỏ, tiếp tục nghiên cứu xây dựng các quy định về khoanh nợ xóa nợ đối với các khoản nợ của người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước. Nghiên cứu bổ sung cơ quan thuế là cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; mô hình tổ chức bộ máy cơ quan thuế các cấp theo hướng tinh gọn để đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả. Tái thiết kế quy trình quản lý thuế nhằm đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tín hiện đại, hiệu quả, đồng bộ với thời gian có hiệu lực của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

 b) Cung cấp, phổ biến đầy đủ, kịp thời quy định của pháp luật thuế, thông tin quản lý thuế đến người nộp thuế và tổ chức, cá nhân khác nhằm nâng cao nhận thức và sự đồng thuận của xã hội về công tác thuế của Nhà nước; ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác hỗ trợ người nộp thuế để giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính thuế, đồng thời nâng cao mức độ tuân thủ tự nguyện của người nộp thuế; khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức kinh doanh dịch vụ về thuế phát triển.

 c) Cải cách đồng bộ, hiệu quả hồ sơ thủ tục về đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, miễn, giảm thuế rõ ràng, minh bạch, dễ thực hiện; đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính điện tử liên thông giữa các cơ quan quản lý nhà nước, rút ngắn thời gian giải quyết cho người nộp thuế. Duy trì và mở rộng các hình thức giao dịch điện tử trong tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính thuế từ cấp độ 3 trở lên đối với doanh nghiệp và tổ chức; tập trung hỗ trợ người nộp thuế là cá nhân sử dụng các hình thức giao dịch điện tử phù hợp,.. Chế độ kế toán thuế tập trung được thực hiện tự động bởi ứng dụng kế toán thuế tích hợp với các ứng dụng quản lý thuế để thu thập thông tin kế toán từ các nghiệp vụ quản lý thuế và tự động hạch toán số phải thu, đã thu, miễn, giảm, khoanh nợ, xóa nợ, phải hoàn, đã hoàn của từng người nộp thuế, từng cơ quan thuế theo ngày,

 d) Nâng cao năng lực hoạt động thanh tra, kiểm tra tiếp cận với các thông lệ quốc tế tốt thông qua việc: Đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế phù hợp với định hướng xây dựng Chính phủ điện tử; tăng cường áp dụng quản lý rủi ro trong công tác thanh tra, kiểm tra thuế như là một biện pháp hiệu quả để phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm về thuế và giảm khiếu nại sau thanh tra, kiểm tra thuế.

 đ) Chú trọng, nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tố tụng về thuế, phù hợp với quy định pháp luật và sát với thực tiễn của ngành; thủ tục, quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, tố tụng về thuế được hoàn thiện theo hướng đơn giản, công khai, minh bạch và tạo thuận lợi hơn nữa cho người nộp thuế. Đổi mới và nâng cao năng lực hoạt động pháp chế, tăng cường công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra xử lý văn bản về thuế; nâng cao năng lực của công chức thuế khi thực hiện công tác giám định tư pháp về thuế, tham gia các thủ tục tỗ tụng hành chính, tố tụng hình sự trong các vụ việc, vụ án có liên quan đến thuế. Triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược quốc gia. phòng, chống tham nhũng trong ngành Thuế; tăng cường công tác kiểm soát nội ngành như là một biện pháp hiệu quả để đảm bảo nghiêm minh trong thực thi pháp luật thuế và kỷ cương kỷ luật của ngành, ngăn chặn những hành vi gây phiền hà, nhũng nhiễu của công chức thuế đối với người nộp thuế.

 e) Thu hồi nợ thuế đúng, đủ, kịp thời, giảm nợ đọng thuế và chống thất thu ngân sách nhà nước. Nâng cao chất lượng công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế theo hướng: Đơn giản hóa các thủ tục quản lý nợ và cưỡng chế thu nợ để nâng cao hiệu quả quản lý, giảm thiểu thời gian xử lý công việc, giảm nợ đọng thuế; áp dụng quản lý rủi ro trong công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

 g) Nâng cao năng lực quản lý thuế quốc tế thông qua việc xây dựng chiến lược đàm phán hiệp định tránh đánh thuế hai lần phù hợp với tình hình mới, đối tác mới và các quy trình áp dụng Hiệp định thuế, trao đổi thông tin, thủ tục thỏa thuận song phương. Ban hành các quy định và biện pháp quản lý thuế quốc tế mới về thanh tra giá chuyển nhượng và chống trốn thuế, tránh thuế. Áp dụng phương pháp quản lý rủi ro trong công tác quản lý thuế quốc tế.

 h) Xây dựng bộ máy cơ quan thuế có đủ quyền hạn và năng lực chủ động thực thi pháp luật thuế theo mô hình kết hợp quản lý thuế theo chức năng với quản lý thuế theo đối tượng, phù hợp với việc áp dụng thuế điện tử và phương pháp quản lý rủi ro theo hướng tự động hóa; bộ máy cơ quan thuế tiếp tục được tổ chức sắp xếp lại theo địa bàn tỉnh, huyện kết hợp với theo khu vực phù hợp với yêu cầu quản lý thuế tập trung; nghiên cứu thành lập bộ phận tiến hành một số hoạt động điều tra thuế tại cơ quan thuế, kiện toàn bộ phận thanh tra, kiểm tra thuế, bộ phận kiểm tra nội bộ, bộ phận quản lý thuế quốc tế, bộ phận quản lý kê khai kế toán, thống kê thuế, bộ phận quản lý doanh nghiệp lớn và bộ phận quản lý thuế doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh và cá nhân; xây dựng đội ngũ công chức thuế có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định, ngày càng chuyên nghiệp, chuyên sâu, liêm chính, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế hiện đại và phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế.

 i) Hệ thống công nghệ thông tin tích hợp, tập trung, đáp ứng yêu cầu xử lý, cung cấp thông tin cho quản lý thuế và chỉ đạo điều hành của cơ quan thuế, cung cấp dịch vụ điện tử cho người nộp thuế. Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành thuế chính xác, đầy đủ, kịp thời, hỗ trợ hiệu quả cho quản lý rủi ro, tiến tới cơ chế tự động kiểm tra chéo một cách có hệ thống các thông tin từ bên thứ ba; xây dựng nền tảng hạ tầng công nghệ thông tin để áp dụng các kỹ thuật hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra. Ứng dụng các thành tựu mới về công nghệ nhằm xử lý tự động các quy trình nghiệp vụ quản lý thuế và phân tích dữ liệu lớn phục vụ công tác hoạch định chính sách, dự báo số thu, tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế, quản lý rủi ro thuế, quản lý tuân thủ và thanh tra, kiểm tra thuế, điều tra thuế...

 k) Triển khai thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế gắn với nhiệm vụ thu ngân sách, gắn với vị trí công việc đảm bảo phục vụ công cuộc cải cách hiện đại hóa ngành thuế và đảm bảo thu nhập của công chức thuế. Hiện đại hóa công sở thuế, tạo môi trường làm việc đồng bộ, chuyên nghiệp, hiệu quả, đảm bảo điều kiện làm việc thuận lợi, lâu dài cho công chức ngành Thuế, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế hiện đại và phục vụ tốt nhu cầu của người đến giao dịch về thuế.